

ĐẶC ĐIỂM CÁC ĐƯỜNG THẨM MỸ S VÀ E Ở MỘT NHÓM SINH VIÊN LỬA TUỔI 18-25 CÓ KHUÔN MẶT HÀI HÒA QUA PHIM SỌ NGHIÊNG TỪ XA KỸ THUẬT SỐ

VÕ TRƯƠNG NHƯ NGỌC
Trường Đại Học Y Hà Nội

ĐẶT VẤN ĐỀ

Quan điểm thẩm mỹ khuôn mặt thay đổi theo từng dân tộc, chủng tộc, thời gian... Những tiêu chí đánh giá khuôn mặt mà các bác sỹ chỉnh nha hay phẫu thuật thẩm mỹ đang sử dụng hiện nay chủ yếu là dựa vào các nghiên cứu trên các dân tộc khác, chủ yếu là trên người Caucasienne. Chính điều này dễ đưa đến sai lầm là tạo ra khuôn mặt không phù hợp với nét á đông vì chuẩn để tham chiếu là dành cho người Âu Mỹ. Do vậy chúng tôi đã tiến hành đề tài này với mục tiêu là "Mô tả đặc điểm khuôn mặt hài hòa ở nhóm sinh viên lứa tuổi 18-25 qua các đường thẩm mỹ E, S và một số góc thẩm mỹ trên phim sọ mặt từ xa kỹ thuật số".

TỔNG QUAN TÀI LIỆU

Đánh giá thẩm mỹ khuôn mặt chủ yếu là đánh giá trên mô mềm. Để đánh giá thẩm mỹ khuôn mặt chúng ta có thể sử dụng phương pháp đo trực tiếp, đo qua ảnh chụp chuẩn hóa hoặc qua phim sọ mặt từ xa. Từ khi phim sọ mặt từ xa ra đời đã có rất nhiều tác giả sử dụng nó để phân tích thẩm mỹ khuôn mặt như Downs (1948), Steiner (1953), Sassouni (1955), Merrifield, Holdaway, Ricketts... Khi phân tích thẩm mỹ khuôn mặt các bác sỹ chỉnh nha thường sử dụng các đường thẩm mỹ để đánh giá [4],[5],[6].

Steiner sử dụng đường thẩm mỹ S, là đường nối liền điểm Pog' và điểm giữa của cánh mũi. Theo ông thì các môi phải tiếp tuyến với đường này.

Holdaway (1956) sử dụng đường thẩm mỹ H, là đường thẳng nối liền điểm Pog' và môi trên, lý tưởng chỗ đáy của rãnh môi trên cách đường này 5 ± 2 mm. Khoảng cách này có thể thay đổi theo chiều dài và chiều dày của môi trên, để hài hòa trong trường hợp môi ngắn hoặc/và mỏng, độ sâu trung bình là 3mm, trường hợp môi dài và dày thì độ sâu trung bình là 7mm. Tư thế môi dưới được xác định theo đường H. Đường H tạo với đường thẳng Na'-Pog' một góc gọi là góc H. Holdaway nhận thấy có mối tương quan giữa góc H và góc ANB, góc ANB từ $1-3^\circ$ thì góc H tương ứng $7-9^\circ$.

Ricketts sử dụng đường E, đường thẳng nối điểm lồi nhất của mũi và Pog'. Theo đường này điểm trước nhất của môi trên cách đường này 4mm và môi dưới cách 2mm. Ngoài ra Ricketts còn sử dụng đường C, đường tiếp tuyến với Pog' và đường viền của má: má càng đầy thì môi càng phải ra trước.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được tiến hành trên 143 sinh viên nam và nữ (bao gồm 63 nam và 80 nữ) độ tuổi 18-25 đang học ở tại Viện Đào Tạo Răng Hàm Mặt- Trường Đại

Học Y Hà Nội. Đối tượng nghiên cứu được lựa chọn theo tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ như sau:

Tiêu chuẩn lựa chọn:

Có bố mẹ, ông bà nội ngoại là người Việt Nam.

Không mắc các dị tật bẩm sinh, các chấn thương hàm mặt nghiêm trọng, chưa từng trải qua phẫu thuật thẩm mỹ hàm mặt, chưa điều trị nắn chỉnh răng.

Không có các biến dạng xương hàm.

Có đầy đủ các răng.

Tiêu chuẩn loại trừ: các đối tượng không đạt được tiêu chuẩn trên.

Nghiên cứu được thiết kế theo phương pháp mô tả cắt ngang. Đối tượng nghiên cứu được lựa chọn một cách ngẫu nhiên.

Tất cả các đối tượng nghiên cứu, 143 sinh viên có khuôn mặt bình thường được chụp phim sọ mặt từ xa kỹ thuật số theo hai tư thế thẳng và nghiêng bằng máy XQ Orthoradix 9200 tại Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung Ương Hà Nội và ảnh chuẩn hóa thẳng nghiêng. Phim được copy ra đĩa CD và đưa về đo đạc các kích thước bằng phần mềm đo đạc Image Pro Plus 5.5 tại Viện 69-Bộ tư lệnh Lãng. Các góc và khoảng cách được đo là: Ls to E, Ls to S, Li to E, Li to S, góc Sn-Ls-Li-Pg'(góc hai môi), Pn-N'-Pg' (góc mũi mặt), Sn-Pn-N', Li-B'-Pg' (góc môi cằm), Cm-Sn-Ls (góc mũi môi) [1],[2],[3].

Ảnh chuẩn hóa thẳng và nghiêng trắng đen được hội đồng đánh giá theo thang điểm một cách độc lập. Hội đồng bao gồm 5 bác sỹ chỉnh nha, 5 hội họa, 5 bác sỹ phẫu thuật tạo hình và 5 chuyên gia nhân trắc, khuôn mặt được gọi là hài hòa nếu tất cả các giám khảo đều cho điểm ≥ 3 cho cả 2 tư thế thẳng và nghiêng, những trường hợp còn lại được xếp vào nhóm gọi là không hài hòa. Số liệu thu được được xử lý bằng phần mềm SPSS 16.0, chúng tôi so sánh giá trị trung bình của các phép đo theo từng giới và với tiêu chí đánh giá của các tác giả Châu Âu

Thang điểm từ 1 đến 5 theo các mức độ:

- 1: xấu
- 2: không hài hòa
- 3: khá hài hòa
- 4: hài hòa
- 5: rất hài hòa

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

1. Đặc điểm chung của nhóm nghiên cứu.

Nghiên cứu được thực hiện trên 143 sinh viên (63 nam, 80 nữ), qua hội đồng đánh giá một cách độc lập chúng tôi có được 63 khuôn mặt hài hòa (bao gồm 31 nam và 30 nữ).

Qua bảng 1, so sánh giá trị trung bình của 143 đối tượng nghiên cứu chúng tôi nhận thấy độ lồi của 2 môi so với hai đường thẩm mỹ E và S ở cả hai giới là giống nhau. Nam có mũi cao hơn và góc đỉnh mũi nhọn hơn so với nữ.

So sánh giá trị trung bình của nam và nữ trong nhóm hài hòa chúng tôi nhận thấy: độ lồi của hai môi so với đường thẩm mỹ ở cả hai giới không có khác biệt, tuy nhiên môi trên của nam nhô ra trước nhiều hơn của nữ vì góc mũi môi của nam nhỏ hơn của nữ. Hai môi trên của nam và nữ đều gần chạm đường

thẩm mỹ E, môi dưới đều vượt qua đường thẩm mỹ E, mũi nam nhọn hơn và cao hơn vì góc đỉnh mũi của nam nhỏ hơn nữ, góc Pn-N'-Pg' của nam lớn hơn nữ. Tuy nhiên góc 2 môi của nam lại lớn hơn của nữ, như vậy ở nam môi dưới nhô ra trước ít hơn so với cằm còn ở nữ thì môi dưới nghiêng ra trước nhiều hơn, điều này đúng vì cằm ở nữ thì nhìn chung là lùi sau hơn trên nét mặt nhìn nghiêng. Góc môi cằm của nữ nhỏ hơn nam như vậy điểm lõm nhất của môi dưới (B') của nữ lùi nhiều hơn so với điểm Li.

Bảng 1: Giá trị trung bình các phép đo theo giới (giá trị khác biệt có ý nghĩa thống kê khi $p < 0,05$)

Phép đo mm Độ	Nhóm bình thường					Nhóm hài hòa				
	Nam		Nữ		p	Nam		Nữ		p
	X	SD	X	SD		X	SD	X	SD	
Li to S	3,32	2,16	2,91	1,97	0,24	2,35	1,70	2,18	2,03	0,72
Ls to S	2,58	1,77	2,05	1,54	0,06	1,70	1,51	1,46	1,51	0,55
Li to E	2,10	2,35	1,83	2,08	0,47	1,07	1,90	1,02	2,03	0,92
Ls to E	0,28	2,15	0,13	1,95	0,66	-0,65	1,67	-0,57	1,88	0,88
Sn-Ls-Li-Pg'	139,81	9,54	140	7,40	0,85	147,22	5,43	142,49	6,36	0,003
Pn-N'-Pg'	27,31	2,07	25,50	2,52	0,000	27,91	1,79	26,50	2,70	0,02
Sn-Pn-N'	101,48	5,00	105,19	5,15	0,000	99,86	4,74	103,33	5,32	0,009
Li-B'-Pg'	133,23	9,14	134,37	8,76	0,45	132,66	8,09	127,69	4,88	0,005
Cm-Sn-Ls	89,79	6,46	94,92	7,19	0,02	91,67	7,55	97,41	8,00	0,006

2. Đặc điểm khuôn mặt hài hòa theo giới.

Qua bảng 2, phân tích so sánh giá trị trung bình của nhóm hài hòa và không hài hòa của từng giới chúng tôi nhận thấy: nam được đánh giá hài hòa khi hai môi lùi sau nhiều hơn so với đường thẩm mỹ S và E, góc 2 môi, mũi mặt, mũi môi lớn hơn, góc đỉnh mũi nhọn hơn. Như vậy nam được gọi hài hòa khi 2 môi ít lồi, mũi cao và đỉnh mũi nhọn hơn so với nam không hài hòa. So sánh giữa nữ hài hòa và nữ không hài hòa chúng tôi nhận thấy cũng có các tiêu chí tương tự như của nam, ngoài ra ở nữ còn chú ý đến góc môi cằm, ở nhóm hài hòa có giá trị nhỏ hơn không hài hòa, cằm có xu hướng lẹm hơn.

Bảng 2: Đặc điểm khuôn mặt hài hòa theo giới tính

Phép đo mm Độ	Nam					Nữ				
	Không hài hòa		Hài hòa		p	Không hài hòa		Hài hòa		P
	X	SD	X	SD		X	SD	X	SD	
Li to S	4,37	2,12	2,35	1,70	0,000	3,29	1,85	2,18	2,03	0,13
Ls to S	3,47	1,59	1,70	1,51	0,000	2,39	1,45	1,47	1,51	0,008
Li to E	3,21	2,31	1,07	1,90	0,000	2,28	1,97	1,02	2,04	0,009
Ls to E	1,21	2,25	-0,65	1,67	0,001	0,54	1,87	-0,58	1,88	0,012
Sn-Ls-Li-Pg'	132,12	6,18	147,22	5,23	0,000	138,83	7,72	142,49	6,36	0,031
Pn-N'-Pg'	26,75	2,23	27,91	1,79	0,03	24,92	2,21	26,49	2,70	0,006
Sn-Pn-N'	103,17	4,86	99,86	4,74	0,009	106,17	4,81	103,33	5,32	0,02
Li-B'-Pg'	134,61	9,15	132,66	8,09	0,37	137,78	9,09	127,69	4,88	0,000
Cm-Sn-Ls	87,91	4,68	91,67	7,55	0,023	93,36	6,23	97,41	8,00	0,01

3. So sánh giá trị trung bình mẫu nghiên cứu với các tác giả khác.

So sánh với tác giả Hồ Thị Thùy Trang chúng tôi thấy kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng tương tự, trừ góc hai môi nhỏ hơn (Bảng 3)

Qua bảng 4, chúng tôi nhận thấy hai môi trên và dưới của nam và nữ đều nhô ra trước rất nhiều so với người Châu Âu, hầu như vượt qua đường thẩm mỹ (trừ môi trên so với đường E). So với người da đen thì cả nam và nữ đều ít lồi hơn. Góc mũi môi của nam và nữ

nằm trong giới hạn giống với tiêu chuẩn dành cho người Châu Âu. Góc đỉnh mũi của cả nam và nữ trong nghiên cứu của chúng tôi lớn hơn nhiều so với người Châu Âu (theo nghiên cứu của Sheiderman, nam là 75,8, nữ là 77,9). Góc hai môi của chúng tôi nhỏ hơn nhiều so với nghiên cứu của Line trên người Châu Âu (nam trung bình là 170°, nữ 160°). Như vậy mẫu nghiên cứu của chúng tôi có môi nhô ra trước nhiều hơn so với đường thẩm mỹ và đỉnh mũi thì tù hơn so với người Châu Âu

Bảng 3: So sánh giá trị trung bình của mẫu nghiên cứu với tác giả trong nước

Phép đo (mm/độ)	Tác giả	Hồ Thị Quỳnh Trang	p
Li to E	1,04	0,83	0,39
Ls to E	-0,61	-0,9	0,2
Sn-Ls-Li-Pg'	144,90	148,36	0,000
Pn-N'-Pg'	27,21	27,3	0,78
Sn-Pn-N'	101,56	102,67	0,11
Li-B'-Pg'	130,22	129,41	0,38
Cm-Sn-Ls	94,49	93,26	0,25

Bảng 4: So sánh giá trị trung bình của mẫu nghiên cứu với tác giả ngoài nước

Phép đo (mm/độ)	Tác giả	Steiner	Ricketts	K.Djaha	p
Mẫu nghiên cứu	Việt Nam	Châu Âu	Châu Âu	Châu phi da đen	
Li to S	2,26	0		≥ 8	0,000
Ls to S	1,59	0		≥ 5	0,000
Li to E	1,04		-2	≥ 6	0,000
Ls to E	-0,61		-4	≥ 3	0,000
Cm-Sn-Ls		Tiêu chuẩn Châu Âu			
Nam	91,67	90-95			
Nữ	97,41	95-110			

So sánh góc môi cằm với nghiên cứu của Scheiderman (nam 122° , nữ 128°) chúng tôi thấy góc môi cằm ở nam của chúng tôi lớn hơn. Như vậy rõ ràng điểm B' ở nam trong mẫu nghiên cứu của chúng tôi ít lõm hơn, hay nói cách khác cằm của nam trong mẫu chúng tôi ít nhô ra trước hơn so với người Châu Âu.

Qua bảng 2, bảng 4 chúng tôi thấy như vậy về mặt tiêu chí thẩm mỹ mẫu nghiên cứu của chúng tôi có nhiều điểm khác với người Châu Âu tuy nhiên về mặt xu hướng thẩm mỹ ở từng giới thì giống nhau.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu 143 sinh viên lứa tuổi 18-25, bằng phương pháp hội đồng chúng tôi có được 61 sinh viên (31 nam, 30 nữ) có khuôn mặt hài hòa, phân tích các đường thẩm mỹ E, S và các góc thẩm mỹ chúng tôi nhận thấy xu hướng thẩm mỹ của nhóm hài hòa giống với xu hướng thẩm mỹ của Châu Âu mặc dù các số đo phần lớn rất khác nhau. Môi trên của cả nam và nữ

đều tiến ra phía trước gần sát với đường thẩm mỹ E, môi dưới thì nằm trước đường thẩm mỹ. So với nữ, môi trên của nam lõm hơn.

SUMMARY

The aim of this study is to assess differences between esthetic line E and esthetic line S of harmonious faces and normal faces. Profile photos and cephalometric photos of 143 students, who have normal faces, are examined by 5 orthodontists, 5 painters, 5 plastic surgeons and 5 anthropometric experts to choose harmonious faces (63males, 80females). All of 143 students were taken digital cephalometric radiography. We measured the distances from the most protrudent point of upper lip and lower lip to line E and line S in cephalometric radiography. After compared the results of group of harmonious faces to those of group of normal faces in each sex, we have some conclusions: upper lip in both sexes protrude and close to esthetic line E, Lower lip in both sexes is in front of esthetic line. Upper lip of man protrude more than that of woman....

Keywords: digital cephalometric, esthetic line E, S.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Athanasios E Athanasiou (1995), "Landmarks, variables and norms of various numeric cephalometric analyses-cephalometric morphologic and growth data references", *Orthodontic cephalometry*, Edition Mosby-Wolfe, Chapter 13, pp. 243-287.
2. Bass N. M. (2003), "Measurements of the profile angle and the aesthetic analysis of the facial profile", *Journal of Orthodontics*, Vol. 30, pp. 3-9.
3. K. Djaha, H.Roux, S.H. Toure (2000), 'Contribution à l' étude comparative des critères d'évaluation céphalométrique du profil cutané du Négro-africain et du Caucasicien', *Odonto-stomatologie tropicale*, pp1-10.
4. Dorignac D., Darque J. (1987), "Canons et règles esthétiques", *EMC*, 23455-C20, pp. 1-7.
5. E. Lejoyeux (2003), "Esthétique du visage", *EMC*, 23-460-C-20, pp. 1-7.
6. E. Lejoyeux (1987), "L'analyse céphalométrique", *EMC*, 23455-E 20, pp. 1-11.